

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011  
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ  
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6-8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	11-20

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai được chuyển đổi từ Công ty TNHH 1 Thành Viên Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai. Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600333736 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn đầu tư: 100.000.000.000 đồng

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai  
Điện thoại : 061.3836270  
Fax : 061.3836092  
E-mail : docam@hcm.vnn.vn  
Mã số thuế : 3600333736

Hoạt động chính của Công ty là: Mua bán : phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư thiết bị phụ tùng máy móc nông nghiệp và thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, lâm sản, hàng thu công mỹ nghệ, thực phẩm, giống cây trồng, chất kích thích cây trồng và vật nuôi. Mua bán vật liệu xây dựng, sắt, thép, xi măng, hạt nhựa. Sản xuất, chế biến phân bón tổng hợp, phân vi lượng, vi sinh, phân đặc chủng, bao bì PP. Gia công, chế biến và đại lý mua bán hàng nông sản (Đối với hạt điều, bông vải phải thực hiện theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính Phủ), lương thực, nông sản thực phẩm chế biến. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng nông nghiệp, hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp và nhà ở. Vận tải hàng hoá đường bộ. Dịch vụ cho thuê kho, xưởng, giao nhận hàng hoá quốc tế, nội địa và dịch vụ xuất nhập khẩu. Mua bán, ươm giống, nuôi trồng hoa phong lan, cây cảnh. Gia công đóng gói, đại lý, mua bán lương thực, thực phẩm.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 21 ).

### Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà : Trần Ánh Loan	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Ông : Phạm Nam Hưng	Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Ông : Cao Hùng Lai	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Bà : Nguyễn Thị Lệ Thủy	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà : Trần Thị Ánh Loan	Giám Đốc
Bà : Nguyễn Thị Lệ Thủy	Phó Giám Đốc
Bà : Mai Thị Xuân Hồng	Kế toán trưởng

## Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà : Đặng Trần Đức Ái	Trưởng ban
Bà : Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên
Ông : Ngô Huỳnh Minh	Thành viên

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Vạn An -MAAC (VACA) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, VACA bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính: các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Trần Thị Ánh Loan**  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 03 năm 2012



Số: 908/2012/BCKT-VACA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2012 từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Vạn An - MAAC**



**Nguyễn Thiện Hòa – Giám đốc**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ0097/KTV*  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2011

A blue ink handwritten signature, which appears to read "Kecuity", written over a horizontal line.

**Nguyễn Thành Trung - Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số 1556/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>206,025,245,443</b>	<b>227,962,199,021</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>10,846,932,930</b>	<b>4,893,980,783</b>
1. Tiền	111		10,846,932,930	4,893,980,783
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15,027,771,051</b>	<b>7,273,176,765</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	11,305,449,310	5,770,176,431
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3,590,564,676	820,100,788
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	353,772,306	924,914,787
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(222,015,241)	(242,015,241)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>167,972,341,733</b>	<b>204,148,392,999</b>
1. Hàng tồn kho	141		178,001,780,145	204,148,392,999
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10,029,438,412)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.6</b>	<b>12,178,199,729</b>	<b>11,646,648,474</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79,174,565	78,443,036
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9,363,845,260	3,868,156,744
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,672,440,111	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		62,739,793	7,700,048,694
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9,935,787,862</b>	<b>16,230,270,139</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9,910,439,862</b>	<b>12,155,260,699</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	9,910,439,862	12,155,260,699
Nguyên giá	222		30,282,914,416	30,652,731,765
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20,372,474,554)	(18,497,471,066)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>4,075,009,440</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	-	4,075,009,440
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25,348,000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		25,348,000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>215,961,033,305</b>	<b>244,192,469,160</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>98,476,070,417</b>	<b>124,746,409,821</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>97,819,273,964</b>	<b>124,160,691,201</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	88,782,020,631	74,559,682,865
2. Phải trả người bán	312	V.10	3,206,494,523	32,172,429,462
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	907,397,525	989,007,699
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2,413,229,263	7,609,306,613
5. Phải trả người lao động	315	V.13	66,037,525	1,432,001,570
6. Chi phí phải trả	316	V.14	1,120,078,797	319,921,083
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	232,098,222	6,787,116,196
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.16	1,091,917,478	291,225,713
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>656,796,453</b>	<b>585,718,620</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	582,288,396	529,281,924
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		74,508,057	56,436,696
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>117,484,962,888</b>	<b>119,446,059,339</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>117,484,962,888</b>	<b>119,446,059,339</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(12,643,661)	807,236,840
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		876,838,271	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		922,678,651	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15,698,089,627	18,638,822,499
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>215,961,033,305</b>	<b>244,192,469,160</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Nợ khó đòi đã xử lý		1,013,259,470	1,013,259,470
II. Tài sản không tính vào GTDN để CPH		8,888,923,038	10,568,294,731
1. Tài sản dài hạn		-	615,251,758
1.1 Tài sản cố định hữu hình		-	593,018,788
Nguyên giá tài sản		-	3,888,207,480
Giá trị hao mòn lũy kế		-	(3,295,188,692)
1.2 Tài sản cố định vô hình		-	22,232,970
Nguyên giá tài sản		-	22,232,970
Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
2 Tài sản ngắn hạn		8,888,923,038	9,139,451,973
2.1 Công nợ không có khả năng thu hồi		8,888,923,038	9,139,451,973

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2012

  
Mai Thị Xuân Hồng  
Kế toán trưởng  
Trần Thị Ánh Loan  
Giám Đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	1,023,392,982,414	596,538,282,686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	1,023,392,982,414	596,538,282,686
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	950,395,273,916	537,158,208,335
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72,997,708,498	59,380,074,351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	3,956,711,871	2,466,122,016
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	25,749,236,541	6,506,328,250
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18,786,028,008	4,984,996,378
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	27,433,868,336	23,886,209,058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	6,730,030,925	5,263,061,192
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17,041,284,567	26,190,597,867
11. Thu nhập khác	31		407,762,198	230,558,972
12. Chi phí khác	32		157,137,749	25,572,964
13. Lợi nhuận khác	40		250,624,449	204,986,008
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17,291,909,016	26,395,583,875
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.25	4,379,448,424	7,756,761,376
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12,912,460,592</u>	<u>18,638,822,499</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>12,912</u>	<u>18,639</u>

  
Mai Thị Xuân Hồng  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Ánh Loan  
Giám Đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,064,410,669,792	626,402,326,652
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(988,859,991,481)	(587,624,439,342)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7,399,246,712)	(7,141,887,686)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(18,267,582,869)	(4,864,818,733)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(14,008,382,211)	(5,312,685,920)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2,851,418,832)	(1,358,487,823)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>33,024,047,687</b>	<b>20,100,007,148</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(125,874,151)	(139,800,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		162,000,000	-
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>36,125,849</b>	<b>(139,800,000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		780,772,492,058	415,029,026,720
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(796,037,963,447)	(424,607,107,026)
3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11,841,750,000)	(19,100,497,466)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27,107,221,389)</b>	<b>(28,678,577,772)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>5,952,952,147</b>	<b>(8,718,370,624)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>4,893,980,783</b>	<b>13,612,351,407</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>10,846,932,930</b>	<b>4,893,980,783</b>

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2012



Mai Thị Xuân Hồng

Kế toán trưởng

Bảo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Trần Thị Ánh Loan

Giám Đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 – Thành phố Biên Hoà – Tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần
2. **Ngành nghề kinh doanh :** Mua bán : phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư thiết bị phụ tùng máy móc nông nghiệp và thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm, giống cây trồng, chất kích thích cây trồng và vật nuôi. Mua bán vật liệu xây dựng, sắt, thép, xi măng, hạt nhựa. Sản xuất, chế biến phân bón tổng hợp, phân vi lượng, vi sinh, phân đặc chủng, bao bì PP. Gia công, chế biến và đại lý mua bán hàng nông sản (Đối với hạt điều, bông vải phải thực hiện theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính Phủ), lương thực, nông sản thực phẩm chế biến, Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng nông nghiệp, hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp và nhà ở. Vận tải hàng hoá đường bộ. Dịch vụ cho thuê kho, xưởng, giao nhận hàng hoá quốc tế, nội địa và dịch vụ xuất nhập khẩu. Mua bán, ươm giống, nuôi trồng hoa phong lan, cây cảnh. Gia công đóng gói, đại lý, mua bán lương thực, thực phẩm.
3. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Trong năm không có yếu tố nào ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động của Công ty.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 – Thành phố Biên Hoà – Tỉnh Đồng Nai

### BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6

10/10/11



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 – Thành phố Biên Hoà – Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

#### 6. Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và cổ giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 – Thành phố Biên Hoà – Tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

#### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận theo quy định hiện hành.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1,361,688,580	1,022,480,193
Tiền gửi ngân hàng	9,485,244,350	3,871,500,590
<b>Cộng</b>	<b><u>10,846,932,930</u></b>	<b><u>4,893,980,783</u></b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Khách hàng vẫn phòng Cty</b>	<b>2,437,825,556</b>	<b>4,339,916,031</b>
DNTN Kim Ngọc	240,063,875	-
Công Ty Cổ phần Hòa Việt	689,220,000	1,521,640,000
Công Ty CP Việt-Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc-PROCONCO	239,400,633	181,453,730
Công Ty TNHH Thanh Thái Hoà	121,000,000	-
Công ty TNHH Greenfeed Việt Nam	185,589,327	-
Cty TNHH TMDV Tấn Long	166,560,144	166,560,144
CTy TNHH Cargill Long An	544,966,569	-
Nguyễn Đức Thơm- Xuân Tây	94,554,910	207,303,500
Các khách hàng khác	156,470,098	2,262,958,657
<b>Khách hàng của trạm VTNN Cẩm Mỹ</b>	<b>-</b>	<b>130,000,000</b>
<b>Khách hàng của trạm VTNN Tân Phú</b>	<b>189,251,000</b>	<b>189,837,000</b>
<b>Khách hàng của trạm VTNN Lâm Sơn</b>	<b>189,300,000</b>	<b>142,916,000</b>
<b>Khách hàng của trạm VTNN Vĩnh Cửu</b>	<b>-</b>	<b>1,324,119</b>
<b>Khách hàng của trạm VTNN Xuân Lộc</b>	<b>225,205,254</b>	<b>270,526,281</b>
<b>Khách hàng CN Cty CP VT NN Đồng Nai</b>	<b>7,316,980,500</b>	<b>614,000,000</b>
DNTN Tường Dung	5,741,500,000	-
Công ty TNHH Tâm Đức Thành	240,480,500	-
Công ty TNHH Tường Nguyên	1,335,000,000	-
<b>Khách hàng của Nhà máy phân bón</b>	<b>946,887,000</b>	<b>81,657,000</b>
DNTN Kim Huệ	490,800,000	-
Nguyễn Văn Hùng	134,850,000	-
Trịnh Phú Cường	89,350,000	-
Cty TNHH Tân Phú Nông	226,750,000	-
Các khách hàng khác	5,137,000	81,657,000
<b>Cộng</b>	<b><u>11,305,449,310</u></b>	<b><u>5,770,176,431</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Hoà Việt	100,000,000	-
ALLIANCE	384,578,973	-
Fertisul International limited	2,635,652,198	-
Sinopac Trading Limited	178,068,150	-
Cty CP PB&HC Dầu khí Đông nam bộ	252,057,561	-
Người bán khác	40,207,794	820,100,788
<b>Cộng</b>	<b><u>3,590,564,676</u></b>	<b><u>820,100,788</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế TNCN phải thu CBCNV	250,672,491	751,882,336
DNTN Minh Tấn Phát	12,540,000	111,330,000
Phải thu khác	90,559,815	61,702,451
<b>Cộng</b>	<b>353,772,306</b>	<b>924,914,787</b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12,273,695,928	47,486,318,068
Công cụ, dụng cụ	100,705,025	325,391,642
Chi phí SXKD dở dang	110,019,323	105,582,601
Thành phẩm	1,253,771,339	714,900,387
Hàng hóa	160,377,636,890	144,368,570,956
Hàng gửi bán	3,885,951,640	11,147,629,345
<b>Cộng</b>	<b>178,001,780,145</b>	<b>204,148,392,999</b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	79,174,565	78,443,036
Thuế GTGT được khấu trừ	7,015,863,620	3,868,156,744
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa nộp	2,347,981,640	-
Thuế TNDN nộp thừa	2,672,440,111	-
Tài sản ngắn hạn khác (Tạm ứng)	61,651,530	2,456,357,994
Ký quỹ NHNN Đồng Nai	1,088,263	5,243,690,700
<b>Cộng</b>	<b>12,178,199,729</b>	<b>11,646,648,474</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Ph.tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	25,279,107,643	3,144,282,578	1,927,607,690	301,733,854	30,652,731,765
Mua trong năm	53,134,515	36,416,000	-	36,323,636	125,874,151
Thanh lý, nhượng bán		(13,500,000)	(482,191,500)		(495,691,500)
<b>Số cuối năm</b>	<b>25,332,242,158</b>	<b>3,167,198,578</b>	<b>1,445,416,190</b>	<b>338,057,490</b>	<b>30,282,914,416</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	14,368,394,516	2,552,056,873	1,347,940,405	229,079,272	18,497,471,066
Khấu hao trong năm	1,753,383,081	345,317,371	236,521,575	35,022,961	2,370,244,988
Thanh lý, nhượng bán		(13,050,000)	(482,191,500)		(495,241,500)
<b>Số cuối năm</b>	<b>16,121,777,597</b>	<b>2,884,324,244</b>	<b>1,102,270,480</b>	<b>264,102,233</b>	<b>20,372,474,554</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10,910,713,127	592,225,705	579,667,285	72,654,582	12,155,260,699
<b>Số cuối năm</b>	<b>9,210,464,561</b>	<b>282,874,334</b>	<b>343,145,710</b>	<b>73,955,257</b>	<b>9,910,439,862</b>

**8. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Bông Vải & KDTH Miền Đông	-	4,075,009,440
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4,075,009,440</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>88,782,020,631</b>	<b>74,559,682,865</b>
Vay Ngân Hàng Công Thương VN- Chi nhánh Tỉnh Đồng Nai	33,604,379,453	27,929,508,090
Vay Ngân Hàng NN&PTNT Tỉnh Đồng Nai	42,053,441,178	29,564,916,775
Vay Tổng Cty CNTP Đồng Nai	10,000,000,000	10,000,000,000
Vay Ngân Hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Tỉnh Đồng Nai	3,124,200,000	-
Vay Nguyễn Thị Tư- Biên Hòa để bổ sung vốn lưu động	-	1,130,000,000
Vay CBCNV công ty để bổ sung vốn lưu động	-	5,935,258,000
<b>Cộng</b>	<b>88,782,020,631</b>	<b>74,559,682,865</b>

**10. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BARIA SERECE	394,112,421	-
DNTN Thái Hoà	127,336,304	-
Cty CP Phân Lân Ninh Bình	946,996,690	3,271,714,800
Công ty CP XNK Ngũ Cốc	159,545,925	204,106,650
MONSANTO SEEDS (ThaiLand)	105,421,609	105,421,609
Cty TNHH DHS	102,356,803	102,356,803
TÔ MINH TỊNH	-	1,601,918,220
XN DV KCN Giang Điền -Tổng cty PT KCN	287,358,990	-
DNTN Thanh Tuấn	161,227,000	-
Công ty Bảo Việt Đồng Nai	200,375,500	106,698,045
SINOPAC TRADING LIMITED	-	25,398,798,750
Khách hàng khác	721,763,281	1,381,414,585
<b>Cộng</b>	<b>3,206,494,523</b>	<b>32,172,429,462</b>

**11. Người mua trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN Nguyễn Phương	58,000,000	-
DNTN Hoa Ngọc Diệp	-	922,562,500
HTX NN Bình Minh	36,917,375	36,917,375
Hoàng Thị Thanh Nga - Lâm Đồng	725,400,000	-
Trần Thị Ngọc Dung	70,000,000	-
Các khách hàng khác	17,080,150	29,527,824
<b>Cộng</b>	<b>907,397,525</b>	<b>989,007,699</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT	46,550,837	13,166,095,826	13,209,889,498	2,757,165
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	31,476,438,656	29,128,457,016	2,347,981,640
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3,556,437,773	3,556,437,773	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,956,493,676	4,379,448,424	14,008,382,211	(2,672,440,111)
Thuế thu nhập cá nhân	606,262,100	390,110,827	933,882,469	62,490,158
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	22,367,182	22,367,182	-
Các loại thuế khác	-	13,000,000	13,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>7,609,306,613</b>	<b>53,003,898,688</b>	<b>60,872,416,149</b>	<b>(259,210,848)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Phải trả công nhân viên**

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương còn phải trả đầu năm	1,432,001,570	470,143,398
Tổng quỹ lương trích trong năm	6,033,282,667	8,103,745,858
Chi trả lương trong năm	(7,399,246,712)	(7,141,887,686)
<b>Tiền lương còn phải trả cuối năm</b>	<b>66,037,525</b>	<b>1,432,001,570</b>

**14. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	29,791,667	63,205,849
Chi phí VC, bốc xếp, tiền điện, điện thoại	54,599,645	256,715,234
Tiền thuê đất	1,035,687,485	-
<b>Cộng</b>	<b>1,120,078,797</b>	<b>319,921,083</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	75,170,010	75,097,972
Bảo hiểm xã hội	(1,321,788)	(2,081,042)
Phải trả về cổ phần hóa	-	5,047,674,067
Phải trả về thu hồi công nợ	-	1,666,027,849
Cổ tức 2010 phải trả	158,250,000	-
Phải trả khác	-	397,350
<b>Cộng</b>	<b>232,098,222</b>	<b>6,787,116,196</b>

**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	46,596,559	876,838,271	729,548,078	193,886,752
Quỹ phúc lợi	244,629,154	876,838,271	223,436,699	898,030,726
Quỹ khen thưởng Ban quản lý	-	300,000,000	300,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>291,225,713</b>	<b>2,053,676,542</b>	<b>1,252,984,777</b>	<b>1,091,917,478</b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn</i>	<b>582,288,396</b>	<b>529,281,924</b>
Vay SCPA góp vốn liên doanh Baconco	582,288,396	529,281,924
<i>Nợ dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>582,288,396</b>	<b>529,281,924</b>

**18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu****18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỉ giá	Lợi Nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	100,000,000,000	-	-	-	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	807,236,840	18,638,822,499

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số dư cuối năm trước	<b>100,000,000,000</b>	-	-	<b>807,236,840</b>	<b>18,638,822,499</b>
Số đầu năm nay	100,000,000,000	-	-	807,236,840	18,638,822,499
Trích quỹ năm trước		876,838,271	922,678,651		(3,853,193,464)
Tăng trong năm	-	-	-	(819,880,501)	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	12,912,460,592
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12,000,000,000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>876,838,271</b>	<b>922,678,651</b>	<b>(12,643,661)</b>	<b>15,698,089,627</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****19. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1,023,392,982,414</b>	<b>596,538,282,686</b>
- Doanh thu bán hàng	1,021,049,943,061	595,719,129,631
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,343,039,353	819,153,055
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1,023,392,982,414</b>	<b>596,538,282,686</b>

**20. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	940,365,835,504	537,158,208,335
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10,029,438,412	-
<b>Cộng</b>	<b>950,395,273,916</b>	<b>537,158,208,335</b>

**21. Doanh thu tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2,722,965,440	2,304,083,846
Chuyển nhượng cổ phần	401,010,560	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	162,038,170
Chênh lệch tỷ giá	832,735,871	-
<b>Cộng</b>	<b>3,956,711,871</b>	<b>2,466,122,016</b>

**22. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18,786,028,008	5,347,246,378
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6,963,208,533	1,159,081,872
Lỗ đầu tư tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25,749,236,541</b>	<b>6,506,328,250</b>

**23. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3,086,957,620	4,571,464,911
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,243,448,120	796,068,906
Chi phí công cụ, dụng cụ	42,734,091	90,184,348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,201,730,903	1,899,259,165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20,850,647,602	11,944,398,102
Chi khác	8,350,000	4,584,833,676
<b>Cộng</b>	<b>27,433,868,336</b>	<b>23,886,209,058</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****24. Chi phí quản lý**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2,161,533,809	3,415,126,850
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	361,630,644	172,275,888
Chi phí công cụ, dụng cụ	104,794,488	29,769,725
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44,291,338	35,778,151
Chi phí thuế, lệ phí	1,334,387,480	36,059,036
Chi phí dự phòng	54,508,057	298,451,937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	968,523,370	423,861,944
Chi khác	1,700,361,739	851,737,661
<b>Cộng</b>	<b>6,730,030,925</b>	<b>5,263,061,192</b>

**25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17,291,909,016</b>	<b>26,395,583,875</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp(*) :</b>	<b>225,884,681</b>	<b>4,627,865,712</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	225,884,681	4,627,865,712
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>17,517,793,697</b>	<b>31,023,449,587</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	4,379,448,424	7,756,761,376
<i>Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</i>	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4,379,448,424</b>	<b>7,756,761,376</b>

(\*) Chi tiết các khoản điều chỉnh

<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	4,562,365,712
<i>Chi nộp phạt vi phạm hành chính</i>	13,803,092	25,500,000
<i>Lương HĐQT, ban kiểm soát Không trực tiếp</i>	36,000,000	40,000,000
<i>Tiền ấn định thuế</i>	142,873,195	-
<i>Lãi vay cá nhân vượt Ls cơ bản</i>	33,208,394	-

**VII. THÔNG TIN KHÁC****26. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	95,40	93,35
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	4,60	6,65
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	45,60	51,09
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	54,40	48,91
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,19	1,96
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,11	1,84
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,04

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1 - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****Tỷ suất sinh lời****Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu**

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1.69	4.42
---	---	------	------

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1.26	3.12
---	---	------	------

**Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản**

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	8.01	10.81
--	---	------	-------

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5.98	7.63
--	---	------	------

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	10.99	15.60
--	---	-------	-------



**Mai Thị Xuân Hồng**  
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2012

**Trần Thị Ánh Loan**  
Giám đốc